

Bản án số: 442/2018/DS-ST

Ngày: 31-8-2018

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tĩnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang Mẫn

2. Bà Lê Thị Tụ

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Mai- Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Oanh- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1365/2017/TLST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2017 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3624/2018/QĐXXST- DS ngày 20 tháng 7 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 4007/2018/QĐST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần C

Địa chỉ: đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Phạm Minh T, trú tại: đường D, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 24 tháng 8 năm 2018). Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Mai Thanh Việt, sinh năm 1971

Địa chỉ: đường G, phường H, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 4 năm 2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn- Ngân hàng TMCP C- Có ông Phạm Minh T đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 11/12/2014, Ngân hàng Thương mại Cổ phần C (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và ông Mai Thanh V ký hợp đồng tín dụng trả góp số: SGN.CN.10.111214. Theo đó, Ngân hàng cho ông V vay số tiền là 85.000.000 (Tám mươi lăm triệu) đồng; thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày Bên được cấp tín dụng nhận tiền vay; phương thức vay là cho vay trung hạn; mục đích vay là hỗ trợ tiêu dùng; lãi suất vay được quy định như sau: Lãi suất trong hạn: 19.5%/năm (tính theo dư nợ thực tế), lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Trong quá trình vay vốn, ông V vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, ngày 14/04/2017, Ngân hàng đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn và ngày 15/05/2017, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án:

Buộc ông Mai Thanh V trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng trả góp số SGN.CN.10.111214 ngày 11/12/2014, tạm tính đến ngày 31/8/2018 là: 100.699.636, trong đó:

Nợ gốc: 65.618.399 đồng;

Nợ lãi trong hạn: 9.809.951 đồng;

Nợ lãi quá hạn: 25.271.286 đồng.

Yêu cầu trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 01/9/2018 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trả góp số SGN.CN.10.111214 ngày 11/12/2014 mà các bên đã ký kết cho đến khi ông V trả hết nợ.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần C đã nộp các tài liệu, chứng cứ:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Ngân hàng TMCP C;
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh Sài Gòn;
- Hợp đồng tín dụng trả góp số SGN.CN.10.111214 ngày 11/12/2014;
- Thông báo thu hồi nợ trước hạn ngày 14/4/2017;
- Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của ông Mai Thanh V ...

** Đối với bị đơn- Ông Mai Thanh V:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật: Tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; giấy triệu tập về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; giấy triệu tập xét xử; quyết định hoãn phiên tòa... nhưng ông V không có văn bản phản hồi ý kiến, không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên Tòa án nhân dân Quận 1 tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn.

Ông V không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

Việc chấp hành pháp luật tố tụng:

Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử...được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về pháp luật tố tụng:*

Ngày 11/12/2014, Ngân hàng Thương mại Cổ phần C (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và ông Mai Thanh V xác lập hợp đồng tín dụng trả góp số SGN.CN.10.111214. Do ông V không thanh toán đúng số tiền như thỏa thuận nên phát sinh tranh chấp. Ông V là bị đơn, có nơi cư trú tại Quận 1 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Ông V được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Việt.

[2]. *Về pháp luật nội dung:*

- Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu ông Mai Thanh V trả số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng trả góp số SGN.CN.10.111214 ngày 11/12/2014, tạm tính đến ngày 31/8/2018 là: 100.699.636 đồng, trong đó:

Nợ gốc: 65.618.399 đồng;
Nợ lãi trong hạn: 9.809.951 đồng;
Nợ lãi quá hạn: 25.271.286 đồng.

Yêu cầu trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 01/9/2018 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trả góp số SGN.CN.10.111214 ngày 11/12/2014 mà các bên đã ký kết cho đến khi ông V trả hết nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Việc ký hợp đồng tín dụng trả góp số SGN.CN.10.111214 ngày 11/12/2014 giữa các bên là tự nguyện, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực theo quy định tại Điều 91, Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không trả tiền nợ gốc và lãi cho đến nay.

Xét thấy:

Ông V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng trả góp số SGN.CN.10.111214 ngày 11/12/2014, nên cần buộc ông V thực hiện đúng nội dung thỏa thuận.

Vì vậy, các yêu cầu của nguyên đơn về việc:

Buộc ông V trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng trả góp số SGN.CN.10.111214 ngày 11/12/2014, tạm tính đến ngày 31/8/2018 là: 100.699.636 đồng, trong đó:

Nợ gốc: 65.618.399 đồng;
Nợ lãi trong hạn: 9.809.951 đồng;
Nợ lãi quá hạn: 25.271.286 đồng.

Yêu cầu trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 01/9/2018 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trả góp số SGN.CN.10.111214 ngày 11/12/2014 mà các bên đã ký kết cho đến khi ông V trả hết nợ.

là có cơ sở chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do các yêu cầu được Tòa án chấp nhận.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 2; Điều 6; Điều 7; Điều 9; Điều 26 và Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn- Ngân hàng Thương mại Cổ phần C về việc:

Buộc ông Mai Thanh V trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng trả góp số SGN.CN.10.111214 ngày 11/12/2014, tạm tính đến ngày 31/8/2018 là: 100.699.636 (Một trăm triệu sáu trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm ba mươi sáu) đồng, trong đó:

Nợ gốc: 65.618.399 (Sáu mươi lăm triệu sáu trăm mười tám nghìn ba trăm chín mươi chín) đồng;

Nợ lãi trong hạn: 9.809.951 (Chín triệu tám trăm lẻ chín nghìn chín trăm năm mươi một) đồng;

Nợ lãi quá hạn: 25.271.286 (Hai mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi một nghìn hai trăm tám mươi sáu) đồng.

Trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 01/9/2018 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trả góp số SGN.CN.10.111214 ngày 11/12/2014 mà các bên đã ký kết cho đến khi ông V trả hết nợ.

Các bên thi hành dưới sự giám sát của cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông V phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 5.034.982 (Năm triệu không trăm ba mươi bốn nghìn chín trăm tám mươi hai) đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty C 1.929.052 (Một triệu chín trăm hai mươi chín nghìn không trăm năm mươi hai) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0019811 ngày 05/7/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. 1;
- CCTHADS Q.1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Tĩnh